

**UBND TỈNH BẾN TRE  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số : 377 / SGD&ĐT-TCCB  
V/v chiêu sinh sau đại học

Bến Tre , ngày 13 tháng 4 năm 2009

Kính gửi :Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

Sở Giáo dục và Đào tạo sao gửi đến các đơn vị trực thuộc Thông báo tuyển sinh sau đại học số 167/ĐHSP-KHCN&SDH ngày 24/3/2009 của Trường Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở phổ biến Thông báo này đến các giáo viên dự thi năm 2009 để làm thủ tục dự thi.

**\*Về hồ sơ dự tuyển.**

Các cán bộ, giáo viên liên hệ mua trực tiếp tại Phòng Đào tạo sau đại học của Trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian dự thi: dự kiến được tổ chức vào tháng 8/2009. *Uhm*

***Nơi nhận :***

- Như trên;
- Lưu: VT, TCCB *bs*

**GIÁM ĐỐC**



**Lê Ngọc Bửu**

## THÔNG BÁO TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC THÁNG 8/2009

Căn cứ “Qui chế đào tạo trình độ thạc sĩ” ban hành kèm theo Quyết định số 45/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 05/08/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (tuyển sinh bậc thạc sĩ),

Căn cứ “Qui chế tuyển sinh sau đại học” được ban hành theo các Quyết định số 02/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/01/2001, 19/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 09/04/2002, 16/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 09/04/2003 và 11/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 21/04/2004 của Bộ GD&ĐT (tuyển sinh bậc tiến sĩ),

Trường Đại học Sư phạm Tp. HCM thông báo kế hoạch tuyển sinh sau đại học tháng 8/2009, như sau:

### A. CÁC CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH

#### 1. Bậc Thạc sĩ: 500 chỉ tiêu

| T<br>T | CHUYÊN NGÀNH                                 | MÃ SỐ    | MÔN THI                                 |                        |           |
|--------|--|----------|---|------------------------|-----------|
|        |  |          | Cơ bản (180')                           | Cơ sở (180')           | Ngoại ngữ |
| 1      | Toán giải tích                               | 60 46 01 | Đại số & Giải tích đại cương            | Giải tích              | Tiếng Anh |
| 2      | Đại số và lý thuyết số                       | 60 46 05 | Đại số & Giải tích đại cương            | Đại số                 | Tiếng Anh |
| 3      | Hình học và tô pô                            | 60 46 10 | Đại số & Giải tích đại cương            | Hình học               | Tiếng Anh |
| 4      | LL&PPDH môn Toán                             | 60 14 10 | Đại số                                  | Giải tích              | Tiếng Anh |
| 5      | Văn học Việt Nam                             | 60 22 34 | Triết học                               | Lý luận văn học        | Tiếng Anh |
| 6      | Văn học nước ngoài                           | 60 22 30 | Triết học                               | Lý luận văn học        | Tiếng Anh |
| 7      | Lý luận văn học                              | 60 22 32 | Triết học                               | Lý luận văn học        | Tiếng Anh |
| 8      | LL&PPDH môn Văn học                          | 60 14 10 | Triết học                               | Lý luận văn học        | Tiếng Anh |
| 9      | Ngôn ngữ học                                 | 60 22 01 | Triết học                               | Ngôn ngữ học đại cương | Tiếng Anh |
| 10     | Lịch sử Việt Nam                             | 60 22 54 | Triết học                               | Lịch sử Việt Nam       | Tiếng Anh |
| 11     | Lịch sử thế giới                             | 60 22 50 | Triết học                               | Lịch sử Thế giới       | Tiếng Anh |
| 12     | Địa lý học (trừ ĐLTN)                        | 60 31 95 | Toán cho Địa lý                         | Địa lý học đại cương   | Tiếng Anh |
| 13     | Vi sinh vật học                              | 60 42 40 | Toán cao cấp xác suất thống kê          | Sinh học đại cương     | Tiếng Anh |
| 14     | Sinh thái học                                | 60 42 60 | Toán cao cấp xác suất thống kê          | Sinh học đại cương     | Tiếng Anh |
| 15     | Sinh học thực nghiệm                         | 60 42 30 | Toán cao cấp xác suất thống kê          | Sinh học đại cương     | Tiếng Anh |
| 16     | Quản lý giáo dục                             | 60 14 05 | Logic học                               | Giáo dục học đại cương | Tiếng Anh |
| 17     | Tâm lý học                                   | 60 31 80 | Triết học                               | Tâm lý học phát triển  | Tiếng Anh |
| 18     | LL&PPDH môn tiếng Pháp                       | 60 14 10 | Triết học                               | Thực hành tiếng Pháp   | Tiếng Anh |
| 19     | LL&PPDH môn Hóa học                          | 60 14 10 | Cơ sở lý thuyết hóa học và cấu tạo chất | LL&PPDH môn Hóa học    | Tiếng Anh |
| 20     | LL&PPDH môn Vật lý                           | 60 14 10 | Toán cho Vật lý                         | Cơ lượng tử            | Tiếng Anh |
| 21     | Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao | 60 44 05 | Toán cho Vật lý                         | Cơ lượng tử            | Tiếng Anh |

*Ghi chú: tiếng Anh thi tuyển theo dạng thức TOEFL, trình độ TOEFL 400.*

#### 2. Bậc Tiến sĩ: 20 chỉ tiêu

| S<br>T<br>T | CHUYÊN NGÀNH                         | MÃ SỐ       | MÔN THI          |                        |                     |
|-------------|--------------------------------------|-------------|------------------|------------------------|---------------------|
|             |                                      |             | Ngoại ngữ (120') | Chuyên ngành (180')    | Đề cương nghiên cứu |
| 1           | Toán giải tích                       | 62 46 01 01 | x                | Giải tích              | x                   |
| 2           | Hình học và tô pô                    | 62 46 10 01 | x                | Hình học               | x                   |
| 3           | Văn học Việt Nam                     | 62 22 34 01 | x                | Văn học Việt Nam       | x                   |
| 4           | Văn học Trung Quốc                   | 62 22 30 05 | x                | Văn học Trung Quốc     | x                   |
| 5           | Lý luận ngôn ngữ                     | 62 22 01 01 | x                | Ngôn ngữ học đại cương | x                   |
| 6           | Lịch sử Việt Nam Cổ đại và Trung đại | 62 22 54 01 | x                | Lịch sử Việt Nam       | x                   |
| 7           | Lịch sử Việt Nam Cận đại và Hiện đại | 62 22 54 05 | x                | Lịch sử Việt Nam       | x                   |
| 8           | Lý luận và PPDH môn Toán             | 62 14 10 01 | x                | LL&PPDH môn Toán       | x                   |
| 9           | Địa lý học (trừ Địa lý tự nhiên)     | 62 31 95 01 | x                | Địa lý học đại cương   | x                   |

*Ghi chú: Ngoại ngữ: chọn 1 trong 5 thứ tiếng Anh, Nga, Trung, Pháp, Đức, bài thi Đọc hiểu – Viết trình độ C.*

## **B. TUYỂN SINH BẠC THẠC SĨ**

**I- Điều kiện dự thi:** Người dự thi tuyển sinh đào tạo thạc sĩ phải có các điều kiện sau đây:

### **1. Về văn bằng**

- a. Đã tốt nghiệp đại học đúng ngành hoặc phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi;
- b. Người có bằng tốt nghiệp đại học gần với ngành, chuyên ngành dự thi phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi.

### **2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn**

- a. Người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên thuộc ngành đúng hoặc phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp;
- b. Những đối tượng còn lại phải có ít nhất một năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi, kể từ ngày có Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi;

### **3. Có đủ sức khoẻ để học tập;**

### **4. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo qui định của cơ sở đào tạo.**

**II- Đối tượng và chính sách ưu tiên**

### **1. Đối tượng ưu tiên**

a. Người có thời gian công tác hai năm liên tục trở lên (tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn ở các địa phương thuộc miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo, theo quy định của Chính phủ (*các đối tượng ưu tiên theo mục này phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc biệt phái công tác của cấp có thẩm quyền*);

b. Thương binh, bệnh binh người có thể chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh, anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, người có công với cách mạng;

c. Người dân tộc thiểu số ở những vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

### **2. Chính sách ưu tiên**

a. Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng 01 (một) điểm (thang điểm 10) cho môn cơ bản;

b. Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên một lần.

**III- Các trường hợp miễn thi ngoại ngữ**

a. Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành tiếng Anh;

b. Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước người mà ngôn ngữ dùng trong đào tạo là tiếng Anh;

c. Có bằng tốt nghiệp đại học tại các chương trình đào tạo trong nước mà ngôn ngữ dùng trong toàn bộ chương trình đào tạo là tiếng Anh không qua phiên dịch;

d. Có chứng chỉ TOEFL ITP 400, iBT 32 hoặc IELTS 4.5 trở lên trong thời hạn 2 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ;

đ. Có chứng chỉ ngoại ngữ do các cơ sở đào tạo ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ và công nhận tương đương trình độ tiếng Anh TOEFL ITP 400, iBT 32 hoặc IELTS 4.5.

**IV- Các trường hợp được xét miễn thi tuyển sinh (Chuyên tiếp sinh)**

**1. Đối tượng:** Sinh viên tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại giỏi trở lên.

**2. Điều kiện:** Sinh viên tốt nghiệp đại học hệ chính quy được miễn thi khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a. Tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại giỏi trở lên, đúng ngành, chuyên ngành dự thi, có kết quả rèn luyện cuối khóa xếp từ loại khá trở lên, trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ký quyết định tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ xét chuyên tiếp sinh;

b. Được khen thưởng cuối khóa học về thành tích học tập hoặc nghiên cứu khoa học (bằng khen, giấy khen) từ cấp trường trở lên;

c. Có chứng chỉ tiếng Anh TOEFL ITP 450, iBT 45 hay IELTS 5.0 hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ.

**V. Hồ sơ đăng ký dự thi**

1. 02 Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu);

2. 02 bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp đại học;

3. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan công tác hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú;

4. Công văn giới thiệu đi dự thi của Thủ trưởng cơ quan quản lý đối với những người đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước và ngoài nhà nước;

5. Giấy khám sức khỏe của bệnh viện đa khoa;

5. 02 bản sao có công chứng các quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động dài hạn hoặc tuyển dụng (hoặc Quyết định nâng lương mới nhất) để chứng nhận thời gian thâm niên công tác;
7. Đơn xin xác nhận (theo mẫu) và bản sao công chứng giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có);
8. 02 bản sao công chứng về văn bằng, chứng chỉ thuộc đối tượng miễn thi ngoại ngữ (nếu có);
9. 05 ảnh 3 x 4 cm (ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh ở mặt sau ảnh);
10. Biên lai nộp lệ phí thi.

## C. TUYỂN SINH BẠC TIÊN SĨ

**I. Điều kiện dự thi:** Công dân nước CHXHCN Việt Nam có đủ các điều kiện qui định sau đây được dự thi đào tạo tiên sĩ:

### 1. Về văn bằng và công trình đã công bố

Người dự thi cần thoả mãn một trong các điều kiện sau:

a) Có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành hoặc chuyên ngành phù hợp hoặc chuyên ngành gần và đã có ít nhất một bài báo công bố trên Tạp chí Khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi.

b) Có bằng thạc sĩ chuyên ngành khác và có bằng tốt nghiệp đại học chính qui đúng ngành hoặc ngành phù hợp với ngành đăng kí dự thi. Trường hợp này, thí sinh phải dự thi như người chưa có bằng thạc sĩ và phải có ít nhất hai bài báo công bố trên Tạp chí Khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi.

*Ghi chú: Nội dung các bài báo phải phù hợp với hướng nghiên cứu đăng ký dự thi*

### 2. Về thâm niên công tác

- Người dự thi vào chương trình đào tạo tiên sĩ cần có ít nhất 02 năm làm việc chuyên môn trong lĩnh vực đăng ký dự thi (kể từ khi tốt nghiệp đại học, tính từ ngày Hiệu trưởng ký Quyết định công nhận tốt nghiệp, đến ngày đăng ký dự thi), trừ trường hợp được chuyển tiếp sinh.

- Các điều kiện về sức khoẻ và thủ tục nộp hồ sơ được áp dụng như mục 4 và 5 phần II tại văn bản này.

## II. Chính sách ưu tiên

Thí sinh được ưu tiên trong tuyển sinh thuộc những đối tượng sau:

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động; Người thuộc dân tộc thiểu số; Người đang công tác liên tục được 2 năm trở lên tại các khu vực vùng cao, miền núi, hải đảo, vùng sâu, tính đến ngày đăng kí dự thi.

- Các đối tượng được ưu tiên theo khu vực phải có quyết định tiếp nhận công tác của cấp có thẩm quyền. Nếu đang được biệt phái công tác đến các vùng nêu trên thì cũng phải có quyết định biệt phái của cấp có thẩm quyền.

- Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng thêm 10 điểm (thang điểm 100) cho môn ngoại ngữ và 1 điểm (thang điểm 10) cho môn cơ bản. Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên cũng chỉ được hưởng một lần ưu tiên.

## III. Các trường hợp miễn thi ngoại ngữ

Miễn thi ngoại ngữ cho những thí sinh có bằng đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong học tập là một trong năm thứ tiếng nêu trên; hoặc có chứng chỉ IELTS 6.0, TOEFL quốc tế 550 điểm trở lên, trong thời hạn một năm kể từ ngày dự thi lấy chứng chỉ đến ngày dự thi sau đại học; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính qui ngành ngoại ngữ một trong các thứ tiếng Anh, Pháp, Nga, Trung, Đức.

**IV. Điều kiện chuyển tiếp sinh:** Học viên cao học được xét chuyển tiếp sinh đào tạo tiên sĩ trong năm tốt nghiệp nếu thoả mãn các điều kiện sau:

- Điểm trung bình chung các môn học ở trình độ thạc sĩ đạt 8.0 trở lên; Không có môn học nào đạt điểm dưới 7.0 ở lần thi đầu; Luận văn đạt 9.0 trở lên, được Hội đồng chấm luận văn nhất trí đánh giá có khả năng phát triển thành luận án tiến sĩ; Hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn, không phải tạm ngừng học tập, không phải gia hạn thời gian học tập và bảo vệ luận văn; Có ít nhất một bài báo phù hợp với đề tài nghiên cứu được công bố trên Tạp chí Khoa học; Chuyên ngành đào tạo thạc sĩ đúng chuyên ngành đào tạo tiên sĩ; Nằm trong số 5% học viên tốt nghiệp có điểm trung bình chung các môn học cao nhất của khóa học; Được cơ quan quản lí đồng ý cho chuyển tiếp sinh.

- Chuyển tiếp sinh chỉ xét trong thời gian tối đa 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp. Chuyển tiếp sinh do Bộ GD&ĐT xem xét quyết định. Chuyển tiếp sinh phải bảo vệ đề cương nghiên cứu trong kì thi tuyển sinh sau đại học của cơ sở đào tạo (Hồ sơ liên hệ cô Hằng - C.712).

**V. Hồ sơ đăng ký dự thi:** Giống hồ sơ dự thi bậc thạc sĩ và bổ sung thêm các mục sau:

1. 03 bản sao có công chứng bằng và bảng điểm thạc sĩ;
2. 02 bản sao chụp các bài báo khoa học đã công bố, bao gồm: trang bìa, mục lục, nội dung bài báo;
3. Đề cương nghiên cứu dự thi;

## D. LỆ PHÍ VÀ THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ

1. Lệ phí : 50.000 đồng/bộ.
2. Thời gian : Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 30/6/2009.
3. Địa điểm : Phòng KHCN & SDH (C.709 hoặc C.712), Trường Đại học Sư phạm Tp. HCM.

### Lưu ý:

- Trong mỗi kì thi, thí sinh chỉ được đăng kí dự thi vào một cơ sở đào tạo và một chuyên ngành đào tạo; Học viên đang học cao học hoặc nghiên cứu sinh không được đăng kí dự thi;
- Không nhận những hồ sơ chưa đầy đủ. Sau ngày thi cơ sở đào tạo không tiếp nhận giải quyết các thay đổi và bổ sung về văn bằng, bằng điểm, đối tượng ưu tiên, chứng nhận thâm niên công tác;
- Tất cả các bản sao phải có công chứng;
- Không trả lại hồ sơ cho thí sinh.

## E. KẾ HOẠCH VÀ HỌC PHÍ ÔN TẬP, THỜI GIAN THI VÀ LỆ PHÍ THI

### 1. Kế hoạch ôn tập

- Thời lượng:

- + Ôn tập môn cơ bản, cơ sở : 45 tiết/môn;
- + Tiếng Anh (ôn tập căn bản) : 100 tiết.

- Lịch học ôn tập:

- + Các môn cơ bản, cơ sở : Ôn tập vào các buổi tối trong tuần;
- + Môn tiếng Anh : Ôn tập vào các buổi sáng thứ 2, 4, 6 hoặc thứ 3, 5, 7;
- Địa điểm ôn tập : Trường ĐHSPTp. HCM (liên hệ Phòng C709 và C712);
- Thời gian đăng kí ôn tập : Từ ngày 25/03/2009 đến hết ngày 04/05/2009;
- Thời gian học ôn tập : Từ ngày 04/05/2009 đến hết ngày 15/08/2009.

2. **Đề cương ôn tập:** Download từ website: <http://khcnsdh.hcmup.edu.vn/sdh/tuyensinh> hoặc liên hệ Phòng Khoa học Công nghệ và Sau đại học, Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh (Phòng C712).

3. **Học phí ôn tập:** Đóng tại Phòng Kế hoạch - Tài chính và mang biên lai đóng học phí đến Phòng Khoa học Công nghệ và Sau đại học để đăng kí lớp học và nhận phiếu vào lớp (Phòng C709 hoặc C712).

- Môn cơ bản, cơ sở : 450.000 đồng/môn;
- Môn tiếng Anh (ôn tập căn bản) : 550.000 đồng;

4. **Lệ phí thi:** 400.000 đồng/thí sinh (đóng tại Phòng Kế hoạch - Tài chính trước khi nộp hồ sơ đăng kí dự thi tại Phòng Khoa học Công nghệ và Sau đại học).

5. **Thời gian thi:** Ngày 28, 29 và 30 tháng 8 năm 2009./.

### Nơi nhận:

- Vụ GDĐH (đề báo cáo);
- Hiệu trưởng (đề báo cáo);
- Các Sở / Phòng GD & ĐT, các Viện;
- Các Trường ĐH, CĐ, THCN, THPT và THCS các tỉnh phía Nam;
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu: P. TCHC, KHCN&SDH./.

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Nguyễn Kim Hồng

**Ghi chú:** Để biết thêm thông tin chi tiết xin liên hệ trực tiếp với Phòng KHCN & SDH, Trường ĐHSPTp.HCM.

- Địa chỉ : Phòng C. 709 hoặc C. 712, 280 An Dương Vương, Q5, Tp. HCM.
- Điện thoại : 08. 38304224 hoặc 08. 38352020-(181) hoặc 08.38391077 hoặc 08. 38352020-(184).
- Email : donamthanh@yahoo.com – Điện thoại: 0989.002.337 (Thanh)
- Website : <http://khcnsdh.hcmup.edu.vn/sdh/tuyensinh>